BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

1. Thông tin cá nhân

Họ tên Bên mua bảo hiểm:	Nguyen An
Ngày sinh:	01/01/1993
Giới tính:	◉ Nam ○ Nữ
Tình trạng hôn nhân:	○ Độc thân ◉ Đã kết hôn
Nghề nghiệp:	Nhân viên văn phòng không giao dịch bên ngoài

2. Khả năng tài chính

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng:	50 triệu VNĐ
Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm:	600 triệu VNĐ
Thu nhập cả gia đình theo tháng:	500 triệu VNĐ
Thu nhập cả gia đình theo năm:	6.000 triệu VNĐ
Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm:	120 triệu VNĐ
Thời gian dự định đóng phí BHNT:	10.0 năm

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu trọng tâm		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ
Bảo vệ tài chính	Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	☐			
	Rủi ro tai nạn	☐			
	Rủi ro bệnh hiểm nghèo	☑	1.000.000.000	100.000.000	900.000.000
Tiết kiệm/Tích lũy tài chính	Kế hoạch học vấn của con	☐			
	Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn	☐			
Đầu tư	Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	☐			
	Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	☐			

Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	☐			
Bệnh hiểm nghèo	☐			
Tử vong, tai nạn, thương tật	☐			

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
VLR7-PRU-Bảo vệ tối ưu	Khách hàng có nhu cầu: bao ve truoc benh hiem ngheo

D-Xác nhận của khách hàng

☑ Tôi xác nhận:

- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.
- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.
- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.
- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên	**Tư vấn viên ký tên**
Chữ ký:_____ **Họ và tên: Nguyen An**	**Chữ ký:_____** **Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM** **Mã số: 60720231**

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phần phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

PRU-BẢO VỆ TỐI ƯU

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	**THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN**
Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Vốn điều lệ: 6.397,8 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM; Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899; Website: http://www.prudential.com.vn	Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM Mã số: 60720231 Điện thoại: 0999999999 Địa chỉ liên hệ:

Là một giải pháp bảo hiểm kết hợp giữa bảo vệ và đầu tư giúp đáp ứng được những nhu cầu chi tiêu ngắn hạn cũng như hiện thực hóa các ước mơ, các dự định trong tương lai.

Được chi trả lên đến 250% số tiền bảo hiểm cho 99 bệnh lý nghiêm trọng khác nhau

Quyền lợi đặc biệt cho 03 (ba) bệnh lý nghiêm trọng phổ biến nhất: Ung thư đe dọa tính mạng, Đột quỵ hoặc Nhồi máu cơ tim

Cân đối và chủ động xây dựng kế hoạch tài chính cho nhiều nhu cầu khác nhau của bạn và gia đình

Trọn vẹn an tâm để tận hưởng cuộc sống.

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-BẢO VỆ TỐI ƯU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh số
Bên mua bảo hiểm (BMBH):	Nguyen An	Nam	30				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Nguyen An	Nam	30	Nhân viên văn phòng không giao dịch bên ngoài	Không		
Địa chỉ liên hệ:							

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM			Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm
Sản phẩm bảo hiểm chính							
PRU-BẢO VỆ TỐI ƯU			Nguyen An	69	69	500.000.000	11.875.000
Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ							
1	VCI2	BH Bệnh lý nghiêm trọng (a)	Nguyen An	45	45	250.000.000	1.245.000
2	VCW2	BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng (a)		30	30		169.600

Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ 13.289.600
Khoản đầu tư thêm đầu tiên -

	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính:	11.875.000	5.937.500	2.968.800
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1:	1.414.600	707.300	353.700
Tổng phí bảo hiểm cơ bản:	13.289.600	6.644.800	3.322.500
Phương thức đóng phí bảo hiểm:	Tiền mặt		

Ghi chú:

(a) Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1: các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ có Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng và đồng thời có Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản của hợp đồng.

• Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 phải được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 5 năm hợp đồng đầu tiên.

• Sản phẩm bảo hiểm chính và sản phẩm bổ trợ nhóm 1 sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực ngay cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng không (0) với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên.

• Bên mua bảo hiểm có thể tạm ngưng đóng phí từ năm hợp đồng thứ 6 trở đi. Tuy nhiên, việc tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể làm hợp đồng mất hiệu lực nếu Giá trị tài khoản của hợp đồng không đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và/hoặc Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

2. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

• **Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm chính):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
• **Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm bổ trợ):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
• **Phí bảo hiểm tích lũy thêm:** khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm sau khi đã đóng đầy đủ tất cả các khoản Phí bảo hiểm đến hạn. Phí bảo hiểm tích lũy thêm sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm, sau khi trừ Phí ban đầu.
• **Giá trị tài khoản (GTTK) cơ bản:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
• **Giá trị tài khoản tích lũy thêm:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
• **Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHĐ):** tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có.
• **Phí ban đầu:** khoản Phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm, nếu có, trước khi các khoản Phí này được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm, tương ứng, như quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng		1	2	3	4	5+
% của Phí bảo hiểm cơ bản	Sản phẩm bảo hiểm chính	85%	75%	10%	5%	0%
	Sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1	70%	65%	10%	5%	0%
% của Phí bảo hiểm tích lũy thêm		2%	2%	2%	2%	2%

• **Phí bảo hiểm rủi ro:** khoản Phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro cho sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1, nếu có, theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm.
• **Phí quản lý hợp đồng:** khoản Phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để chi trả cho việc quản lý Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng là 40.000 đồng/ tháng và không thay đổi trong suốt thời hạn hợp đồng.
• **Phí quản lý quỹ:** khoản Phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ tối đa là 2,0%/năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng. Mức quản lý quỹ tối đa này có thể thay đổi tùy thuộc vào sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
• **Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** Bên mua bảo hiểm không phải chịu bất kỳ khoản phí nào khi rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng
• **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:** Bên mua bảo hiểm không phải chịu bất kỳ khoản phí nào khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Ghi chú:
• Các thay đổi về Phí ban đầu, Phí bảo hiểm rủi ro, hoặc mức tối đa của Phí quản lý quỹ (nếu có) sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO Dựa trên lãi suất cam kết(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
1 / 31	13.290	-	11.084	828	469	479	-	479	500.000	-	-	-
2 / 32	13.290	-	9.826	840	492	2.220	-	2.220	500.000	-	-	-
3 / 33	13.290	-	1.329	829	529	12.739	-	12.739	500.000	-	-	-
4 / 34	13.290	-	664	833	579	24.201	-	24.201	500.000	-	-	-
5 / 35	13.290	-	-	854	640	36.610	-	36.610	500.000	-	-	-
6 / 36	13.290	-	-	881	689	49.070	-	49.070	500.000	-	-	-
7 / 37	13.290	-	-	913	761	61.735	-	61.735	500.000	-	-	-
8 / 38	13.290	-	-	955	835	74.599	-	74.599	500.000	-	-	-
9 / 39	13.290	-	-	996	919	87.659	-	87.659	500.000	-	-	-
10 / 40	13.290	-	-	1.044	1.005	114.199	-	114.199	500.000	13.290	-	-
11 / 41	13.290	-	-	1.117	1.086	127.326	-	127.326	500.000	-	-	-
12 / 42	13.290	-	-	1.168	1.190	140.560	-	140.560	500.000	-	-	-
13 / 43	13.290	-	-	1.222	1.306	153.885	-	153.885	500.000	-	-	-
14 / 44	13.290	-	-	1.275	1.442	167.286	-	167.286	500.000	-	-	-
15 / 45	13.290	-	-	1.330	1.585	190.722	-	190.722	500.000	9.967	-	-
16 / 46	13.290	-	-	1.337	1.717	202.499	-	202.499	500.000	-	-	-
17 / 47	13.290	-	-	1.390	1.858	214.199	-	214.199	500.000	-	-	-
18 / 48	13.290	-	-	1.441	2.027	225.794	-	225.794	500.000	-	-	-
19 / 49	13.290	-	-	1.490	2.198	237.283	-	237.283	500.000	-	-	-
20 / 50	13.290	-	-	1.541	2.386	267.673	-	267.673	500.000	9.967	9.059	-
21 / 51	13.290	-	-	1.469	2.590	279.209	-	279.209	500.000	-	-	-
22 / 52	13.290	-	-	1.517	2.787	290.614	-	290.614	500.000	-	-	-
23 / 53	13.290	-	-	1.567	3.021	301.847	-	301.847	500.000	-	-	-
24 / 54	13.290	-	-	1.621	3.290	312.867	-	312.867	500.000	-	-	-
25 / 55	13.290	-	-	1.673	3.584	345.721	-	345.721	500.000	9.967	12.104	-
26 / 56	13.290	-	-	1.490	3.898	356.702	-	356.702	500.000	-	-	-
27 / 57	13.290	-	-	1.504	4.243	367.430	-	367.430	500.000	-	-	-
28 / 58	13.290	-	-	1.506	4.552	377.953	-	377.953	500.000	-	-	-
29 / 59	13.290	-	-	1.498	4.834	388.306	-	388.306	500.000	-	-	-
30 / 60	13.290	-	-	1.478	5.128	423.616	-	423.616	500.000	9.967	15.161	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO Dựa trên lãi suất cam kết(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
31 / 61	13.120	-	-	1.048	5.605	433.932	-	433.932	500.000	-	-	-
32 / 62	13.120	-	-	967	6.068	443.967	-	443.967	500.000	-	-	-
33 / 63	13.120	-	-	870	6.545	453.720	-	453.720	500.000	-	-	-
34 / 64	13.120	-	-	753	7.007	463.223	-	463.223	500.000	-	-	-
35 / 65	13.120	-	-	611	7.487	500.648	-	500.648	500.648	9.967	18.200	-
36 / 66	13.120	-	-	-	7.935	510.445	-	510.445	510.445	-	-	-
37 / 67	13.120	-	-	-	8.530	519.742	-	519.742	519.742	-	-	-
38 / 68	13.120	-	-	-	9.073	528.586	-	528.586	528.586	-	-	-
39 / 69	13.120	-	-	-	9.628	536.961	-	536.961	536.961	-	-	-
40 / 70	13.120	-	-	-	10.285	575.929	-	575.929	575.929	9.967	21.203	-
41 / 71	13.120	-	-	-	11.060	583.337	-	583.337	583.337	-	-	-
42 / 72	13.120	-	-	-	11.933	589.942	-	589.942	589.942	-	-	-
43 / 73	13.120	-	-	-	13.037	595.502	-	595.502	595.502	-	-	-
44 / 74	13.120	-	-	-	14.243	599.906	-	599.906	599.906	-	-	-
45 / 75	13.120	-	-	-	15.535	636.937	-	636.937	636.937	9.967	23.915	-
46 / 76	11.875	-	-	-	-	654.818	-	654.818	654.818	-	-	-
47 / 77	11.875	-	-	-	-	672.877	-	672.877	672.877	-	-	-
48 / 78	11.875	-	-	-	-	691.117	-	691.117	691.117	-	-	-
49 / 79	11.875	-	-	-	-	709.539	-	709.539	709.539	-	-	-
50 / 80	11.875	-	-	-	-	765.648	-	765.648	765.648	9.967	27.535	-
51 / 81	11.875	-	-	-	-	784.816	-	784.816	784.816	-	-	-
52 / 82	11.875	-	-	-	-	804.175	-	804.175	804.175	-	-	-
53 / 83	11.875	-	-	-	-	823.728	-	823.728	823.728	-	-	-
54 / 84	11.875	-	-	-	-	843.476	-	843.476	843.476	-	-	-
55 / 85	11.875	-	-	-	-	906.205	-	906.205	906.205	9.967	32.816	-
56 / 86	11.875	-	-	-	-	926.779	-	926.779	926.779	-	-	-
57 / 87	11.875	-	-	-	-	947.558	-	947.558	947.558	-	-	-
58 / 88	11.875	-	-	-	-	968.544	-	968.544	968.544	-	-	-
59 / 89	11.875	-	-	-	-	989.741	-	989.741	989.741	-	-	-
60 / 90	11.875	-	-	-	-	1.059.699	-	1.059.699	1.059.699	9.967	38.583	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO Dựa trên lãi suất cam kết(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
61 / 91	11.875	-	-	-	-	1.081.808	-	1.081.808	1.081.808	-	-	-
62 / 92	11.875	-	-	-	-	1.104.137	-	1.104.137	1.104.137	-	-	-
63 / 93	11.875	-	-	-	-	1.126.689	-	1.126.689	1.126.689	-	-	-
64 / 94	11.875	-	-	-	-	1.149.467	-	1.149.467	1.149.467	-	-	-
65 / 95	11.875	-	-	-	-	1.227.321	-	1.227.321	1.227.321	9.967	44.880	-
66 / 96	11.875	-	-	-	-	1.251.105	-	1.251.105	1.251.105	-	-	-
67 / 97	11.875	-	-	-	-	1.275.127	-	1.275.127	1.275.127	-	-	-
68 / 98	11.875	-	-	-	-	1.299.390	-	1.299.390	1.299.390	-	-	-
69 / 99	11.875	-	-	-	-	1.323.895	-	1.323.895	1.323.895	-	-	-
Tổng/Cộng dồn	**880.488**	-	**22.903**	**41.860**	**205.609**			**1.323.895**		**122.929**	**243.456**	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
1 / 31	13.290	-	11.084	828	469	492	-	492	500.000	-	-	-
2 / 32	13.290	-	9.826	840	492	2.293	-	2.293	500.000	-	-	-
3 / 33	13.290	-	1.329	828	529	13.079	-	13.079	500.000	-	-	-
4 / 34	13.290	-	664	832	579	25.047	-	25.047	500.000	-	-	-
5 / 35	13.290	-	-	852	640	38.229	-	38.229	500.000	-	-	-
6 / 36	13.290	-	-	876	689	51.994	-	51.994	500.000	-	-	-
7 / 37	13.290	-	-	906	761	66.343	-	66.343	500.000	-	-	-
8 / 38	13.290	-	-	942	835	81.296	-	81.296	500.000	-	-	-
9 / 39	13.290	-	-	977	919	96.875	-	96.875	500.000	-	-	-
10 / 40	13.290	-	-	1.017	1.005	126.394	-	126.394	500.000	13.290	-	-
11 / 41	13.290	-	-	1.075	1.086	143.956	-	143.956	500.000	-	-	-
12 / 42	13.290	-	-	1.107	1.190	162.257	-	162.257	500.000	-	-	-
13 / 43	13.290	-	-	1.137	1.306	181.322	-	181.322	500.000	-	-	-
14 / 44	13.290	-	-	1.159	1.442	201.177	-	201.177	500.000	-	-	-
15 / 45	13.290	-	-	1.176	1.585	231.829	-	231.829	500.000	9.967	-	-
16 / 46	13.290	-	-	1.131	1.717	253.957	-	253.957	500.000	-	-	-
17 / 47	13.290	-	-	1.115	1.858	277.063	-	277.063	500.000	-	-	-
18 / 48	13.290	-	-	1.081	2.027	301.185	-	301.185	500.000	-	-	-
19 / 49	13.290	-	-	1.028	2.198	326.393	-	326.393	500.000	-	-	-
20 / 50	13.290	-	-	953	2.386	374.601	-	374.601	500.000	9.967	11.889	-
21 / 51	13.290	-	-	706	2.590	403.407	-	403.407	500.000	-	-	-
22 / 52	13.290	-	-	556	2.787	433.606	-	433.606	500.000	-	-	-
23 / 53	13.290	-	-	363	3.021	465.271	-	465.271	500.000	-	-	-
24 / 54	13.290	-	-	117	3.290	498.496	-	498.496	500.000	-	-	-
25 / 55	13.290	-	-	1	3.584	561.498	-	561.498	561.498	9.967	18.330	-
26 / 56	13.290	-	-	-	3.898	599.032	-	599.032	599.032	-	-	-
27 / 57	13.290	-	-	-	4.243	638.088	-	638.088	638.088	-	-	-
28 / 58	13.290	-	-	-	4.552	678.778	-	678.778	678.778	-	-	-
29 / 59	13.290	-	-	-	4.834	721.214	-	721.214	721.214	-	-	-
30 / 60	13.290	-	-	-	5.128	802.150	-	802.150	802.150	9.967	26.712	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
31 / 61	13.120	-	-	-	5.605	849.785	-	849.785	849.785	-	-	-
32 / 62	13.120	-	-	-	6.068	899.326	-	899.326	899.326	-	-	-
33 / 63	13.120	-	-	-	6.545	950.855	-	950.855	950.855	-	-	-
34 / 64	13.120	-	-	-	7.007	1.004.485	-	1.004.485	1.004.485	-	-	-
35 / 65	13.120	-	-	-	7.487	1.107.676	-	1.107.676	1.107.676	9.967	37.406	-
36 / 66	13.120	-	-	-	7.935	1.168.195	-	1.168.195	1.168.195	-	-	-
37 / 67	13.120	-	-	-	8.530	1.231.128	-	1.231.128	1.231.128	-	-	-
38 / 68	13.120	-	-	-	9.073	1.296.652	-	1.296.652	1.296.652	-	-	-
39 / 69	13.120	-	-	-	9.628	1.364.881	-	1.364.881	1.364.881	-	-	-
40 / 70	13.120	-	-	-	10.285	1.496.816	-	1.496.816	1.496.816	9.967	51.002	-
41 / 71	13.120	-	-	-	11.060	1.573.583	-	1.573.583	1.573.583	-	-	-
42 / 72	13.120	-	-	-	11.933	1.653.292	-	1.653.292	1.653.292	-	-	-
43 / 73	13.120	-	-	-	13.037	1.735.852	-	1.735.852	1.735.852	-	-	-
44 / 74	13.120	-	-	-	14.243	1.821.302	-	1.821.302	1.821.302	-	-	-
45 / 75	13.120	-	-	-	15.535	1.987.930	-	1.987.930	1.987.930	9.967	68.265	-
46 / 76	11.875	-	-	-	-	2.099.302	-	2.099.302	2.099.302	-	-	-
47 / 77	11.875	-	-	-	-	2.216.243	-	2.216.243	2.216.243	-	-	-
48 / 78	11.875	-	-	-	-	2.339.031	-	2.339.031	2.339.031	-	-	-
49 / 79	11.875	-	-	-	-	2.467.959	-	2.467.959	2.467.959	-	-	-
50 / 80	11.875	-	-	-	-	2.705.050	-	2.705.050	2.705.050	9.967	91.750	-
51 / 81	11.875	-	-	-	-	2.852.278	-	2.852.278	2.852.278	-	-	-
52 / 82	11.875	-	-	-	-	3.006.868	-	3.006.868	3.006.868	-	-	-
53 / 83	11.875	-	-	-	-	3.169.187	-	3.169.187	3.169.187	-	-	-
54 / 84	11.875	-	-	-	-	3.339.622	-	3.339.622	3.339.622	-	-	-
55 / 85	11.875	-	-	-	-	3.652.849	-	3.652.849	3.652.849	9.967	124.303	-
56 / 86	11.875	-	-	-	-	3.847.467	-	3.847.467	3.847.467	-	-	-
57 / 87	11.875	-	-	-	-	4.051.817	-	4.051.817	4.051.817	-	-	-
58 / 88	11.875	-	-	-	-	4.266.383	-	4.266.383	4.266.383	-	-	-
59 / 89	11.875	-	-	-	-	4.491.678	-	4.491.678	4.491.678	-	-	-
60 / 90	11.875	-	-	-	-	4.905.532	-	4.905.532	4.905.532	9.967	167.326	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
61 / 91	11.875	-	-	-	-	5.162.784	-	5.162.784	5.162.784	-	-	-
62 / 92	11.875	-	-	-	-	5.432.899	-	5.432.899	5.432.899	-	-	-
63 / 93	11.875	-	-	-	-	5.716.520	-	5.716.520	5.716.520	-	-	-
64 / 94	11.875	-	-	-	-	6.014.322	-	6.014.322	6.014.322	-	-	-
65 / 95	11.875	-	-	-	-	6.561.171	-	6.561.171	6.561.171	9.967	224.190	-
66 / 96	11.875	-	-	-	-	6.901.205	-	6.901.205	6.901.205	-	-	-
67 / 97	11.875	-	-	-	-	7.258.241	-	7.258.241	7.258.241	-	-	-
68 / 98	11.875	-	-	-	-	7.633.129	-	7.633.129	7.633.129	-	-	-
69 / 99	11.875	-	-	-	-	8.026.762	-	8.026.762	8.026.762	-	-	-
Tổng/Cộng dồn	**880.488**	-	**22.903**	**21.603**	**205.609**			**8.026.762**		**122.929**	**821.174**	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 6,5%/năm (Cao)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
1 / 31	13.290	-	11.084	828	469	511	-	511	500.000	-	-	-
2 / 32	13.290	-	9.826	840	492	2.358	-	2.358	500.000	-	-	-
3 / 33	13.290	-	1.329	828	529	13.348	-	13.348	500.000	-	-	-
4 / 34	13.290	-	664	832	579	25.705	-	25.705	500.000	-	-	-
5 / 35	13.290	-	-	850	640	39.490	-	39.490	500.000	-	-	-
6 / 36	13.290	-	-	873	689	54.097	-	54.097	500.000	-	-	-
7 / 37	13.290	-	-	900	761	69.550	-	69.550	500.000	-	-	-
8 / 38	13.290	-	-	934	835	85.897	-	85.897	500.000	-	-	-
9 / 39	13.290	-	-	964	919	103.189	-	103.189	500.000	-	-	-
10 / 40	13.290	-	-	998	1.005	134.770	-	134.770	500.000	13.290	-	-
11 / 41	13.290	-	-	1.046	1.086	154.980	-	154.980	500.000	-	-	-
12 / 42	13.290	-	-	1.067	1.190	176.375	-	176.375	500.000	-	-	-
13 / 43	13.290	-	-	1.081	1.306	199.025	-	199.025	500.000	-	-	-
14 / 44	13.290	-	-	1.085	1.442	223.003	-	223.003	500.000	-	-	-
15 / 45	13.290	-	-	1.076	1.585	258.367	-	258.367	500.000	9.967	-	-
16 / 46	13.290	-	-	1.001	1.717	286.005	-	286.005	500.000	-	-	-
17 / 47	13.290	-	-	945	1.858	315.350	-	315.350	500.000	-	-	-
18 / 48	13.290	-	-	863	2.027	346.513	-	346.513	500.000	-	-	-
19 / 49	13.290	-	-	750	2.198	379.641	-	379.641	500.000	-	-	-
20 / 50	13.290	-	-	602	2.386	438.453	-	438.453	500.000	9.967	13.605	-
21 / 51	13.290	-	-	250	2.590	477.669	-	477.669	500.000	-	-	-
22 / 52	13.290	-	-	21	2.787	519.467	-	519.467	519.467	-	-	-
23 / 53	13.290	-	-	-	3.021	563.763	-	563.763	563.763	-	-	-
24 / 54	13.290	-	-	-	3.290	610.659	-	610.659	610.659	-	-	-
25 / 55	13.290	-	-	-	3.584	692.345	-	692.345	692.345	9.967	22.078	-
26 / 56	13.290	-	-	-	3.898	746.971	-	746.971	746.971	-	-	-
27 / 57	13.290	-	-	-	4.243	804.789	-	804.789	804.789	-	-	-
28 / 58	13.290	-	-	-	4.552	866.046	-	866.046	866.046	-	-	-
29 / 59	13.290	-	-	-	4.834	930.993	-	930.993	930.993	-	-	-
30 / 60	13.290	-	-	-	5.128	1.043.720	-	1.043.720	1.043.720	9.967	33.895	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 6,5%/năm (Cao)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
31 / 61	13.120	-	-	-	5.605	1.119.238	-	1.119.238	1.119.238	-	-	-
32 / 62	13.120	-	-	-	6.068	1.199.185	-	1.199.185	1.199.185	-	-	-
33 / 63	13.120	-	-	-	6.545	1.283.835	-	1.283.835	1.283.835	-	-	-
34 / 64	13.120	-	-	-	7.007	1.373.509	-	1.373.509	1.373.509	-	-	-
35 / 65	13.120	-	-	-	7.487	1.528.704	-	1.528.704	1.528.704	9.967	50.222	-
36 / 66	13.120	-	-	-	7.935	1.633.334	-	1.633.334	1.633.334	-	-	-
37 / 67	13.120	-	-	-	8.530	1.744.149	-	1.744.149	1.744.149	-	-	-
38 / 68	13.120	-	-	-	9.073	1.861.606	-	1.861.606	1.861.606	-	-	-
39 / 69	13.120	-	-	-	9.628	1.986.123	-	1.986.123	1.986.123	-	-	-
40 / 70	13.120	-	-	-	10.285	2.200.825	-	2.200.825	2.200.825	9.967	72.804	-
41 / 71	13.120	-	-	-	11.060	2.345.909	-	2.345.909	2.345.909	-	-	-
42 / 72	13.120	-	-	-	11.933	2.499.520	-	2.499.520	2.499.520	-	-	-
43 / 73	13.120	-	-	-	13.037	2.661.973	-	2.661.973	2.661.973	-	-	-
44 / 74	13.120	-	-	-	14.243	2.833.738	-	2.833.738	2.833.738	-	-	-
45 / 75	13.120	-	-	-	15.535	3.129.373	-	3.129.373	3.129.373	9.967	104.075	-
46 / 76	11.875	-	-	-	-	3.344.932	-	3.344.932	3.344.932	-	-	-
47 / 77	11.875	-	-	-	-	3.574.503	-	3.574.503	3.574.503	-	-	-
48 / 78	11.875	-	-	-	-	3.818.995	-	3.818.995	3.818.995	-	-	-
49 / 79	11.875	-	-	-	-	4.079.380	-	4.079.380	4.079.380	-	-	-
50 / 80	11.875	-	-	-	-	4.515.722	-	4.515.722	4.515.722	9.967	149.065	-
51 / 81	11.875	-	-	-	-	4.821.394	-	4.821.394	4.821.394	-	-	-
52 / 82	11.875	-	-	-	-	5.146.935	-	5.146.935	5.146.935	-	-	-
53 / 83	11.875	-	-	-	-	5.493.636	-	5.493.636	5.493.636	-	-	-
54 / 84	11.875	-	-	-	-	5.862.872	-	5.862.872	5.862.872	-	-	-
55 / 85	11.875	-	-	-	-	6.480.490	-	6.480.490	6.480.490	9.967	214.414	-
56 / 86	11.875	-	-	-	-	6.913.872	-	6.913.872	6.913.872	-	-	-
57 / 87	11.875	-	-	-	-	7.375.424	-	7.375.424	7.375.424	-	-	-
58 / 88	11.875	-	-	-	-	7.866.977	-	7.866.977	7.866.977	-	-	-
59 / 89	11.875	-	-	-	-	8.390.480	-	8.390.480	8.390.480	-	-	-
60 / 90	11.875	-	-	-	-	9.265.007	-	9.265.007	9.265.007	9.967	307.028	-

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí BH cơ bản (SPBH chính và Bổ trợ Nhóm 1)	Phí BH tích lũy thêm	Phí ban đầu	GIÁ TRỊ MINH HỌA Mức lãi suất minh họa 6,5%/năm (Cao)(1)						Thưởng duy trì hợp đồng (4)	Thưởng tri ân khách hàng (5)	Rút tiền(6)
				Phí bảo hiểm rủi ro		GTTK cơ bản(2)	GTTK tích lũy thêm(3)	GTTK HĐ/ GT hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV của SPBH chính			
				SPBH Chính	SPBH Bổ trợ nhóm 1							
61 / 91	11.875	-	-	-	-	9.879.383	-	9.879.383	9.879.383	-	-	-
62 / 92	11.875	-	-	-	-	10.533.693	-	10.533.693	10.533.693	-	-	-
63 / 93	11.875	-	-	-	-	11.230.533	-	11.230.533	11.230.533	-	-	-
64 / 94	11.875	-	-	-	-	11.972.667	-	11.972.667	11.972.667	-	-	-
65 / 95	11.875	-	-	-	-	13.211.291	-	13.211.291	13.211.291	9.967	438.283	-
66 / 96	11.875	-	-	-	-	14.082.175	-	14.082.175	14.082.175	-	-	-
67 / 97	11.875	-	-	-	-	15.009.666	-	15.009.666	15.009.666	-	-	-
68 / 98	11.875	-	-	-	-	15.997.445	-	15.997.445	15.997.445	-	-	-
69 / 99	11.875	-	-	-	-	17.049.429	-	17.049.429	17.049.429	-	-	-
Tổng/Cộng dồn	**880.488**	-	**22.903**	**18.636**	**205.609**			**17.049.429**		**122.929**	**1.405.468**	-

Ghi chú:

(1) Mức lãi suất minh họa 5% (trung bình) và 6,5% (cao) không được đảm bảo và chỉ mang tính chất minh họa, trong đó mức 6,5% sẽ khả thi hơn khi tình hình lãi suất đầu tư của thị trường có chuyển biến tích cực trong tương lai. Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất cam kết quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 5	6 - 10	11 - 15	16+
Lãi suất cam kết	4,0%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%

(2) Giá trị tài khoản cơ bản đã khấu trừ phí quản lý hợp đồng 40.000 đồng/tháng và đã bao gồm các khoản lãi tích lũy, khoản thưởng duy trì hợp đồng và khoản thưởng tri ân khách hàng, nếu có.

(3) Giá trị tài khoản tích lũy thêm đã bao gồm các khoản lãi tích lũy và khoản thưởng tri ân khách hàng, nếu có.

(4) Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm được xét thưởng (sản phẩm chính và/hoặc của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1) được đóng đầy đủ và đúng hạn đến thời điểm xét quyền lợi thưởng duy trì Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời gian xét thưởng, Bên mua bảo hiểm không giảm Số tiền bảo hiểm của sản phẩm được xét thưởng đến thời gian xét thưởng, quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng được tính bằng:

a. 100% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 6 đến hết Năm hợp đồng thứ 10;

b. 75% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 11 đến hết Năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó.

(5) Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vào ngày kỷ năm hợp đồng thứ 20 và mỗi 5 năm sau đó, quyền lợi thưởng tri ân khách hàng sẽ được xác định và cộng vào từng giá trị tài khoản tương ứng như sau:

a. 4% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó (được tính theo ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản;

b. 4% Giá trị tài khoản tích lũy thêm trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó, nếu có, (được tính theo ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm.

(6) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào đối với Giá trị tài khoản tích lũy thêm và Giá trị tài khoản cơ bản . Khoản rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm trước (nếu có), sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

Nếu Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi phí quản lý hợp đồng và các phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0, hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực (ngoại trừ các điều kiện khác đã được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm). Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.

4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYEN AN			
PRU-BẢO VỆ TỐI ƯU	Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)	Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (500.000.000 đồng) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong của Người được bảo hiểm hoặc thời điểm xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.	Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn được chi trả nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 80 của Người được bảo hiểm.

4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

	SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYEN AN				
1	BH Bệnh lý nghiêm trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu	50% Số tiền bảo hiểm của QLBH Bệnh lý nghiêm trọng.	Người được bảo hiểm được bảo vệ trước 35 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu. Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả một lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này, với điều kiện Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu được chẩn đoán xác định.
		Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau	Được chi trả tối đa 2 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau: Lần 1: 100% Số tiền bảo hiểm của bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng (1); Lần 2: 200% Số tiền bảo hiểm của bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng nếu Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai phải không cùng Nhóm Bệnh lý nghiêm trọng với Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ nhất (2).	Người được bảo hiểm được bảo vệ trước 64 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau. (1) Trừ đi Quyền lợi Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu đã chi trả (nếu có) nếu Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu đã chi trả thuộc cùng nhóm Bệnh lý nghiêm trọng với Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ nhất. (2) Các quyền lợi Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu và giai đoạn sau lần thứ nhất đã chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ khi chi trả quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai. Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả với điều kiện Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau được chẩn đoán xác định. Ngay sau khi Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai được chấp thuận chi trả, sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này sẽ chấm dứt hiệu lực.
		Quyền lợi 03 (ba) Bệnh lý nghiêm trọng	Được chi trả thêm 50% STBH nếu Người được bảo hiểm mắc một trong 03 bệnh lý nghiêm trọng (Ung thư đe dọa tính mạng, Đột quỵ hoặc Nhồi máu cơ tim).	Quyền lợi 03 (ba) Bệnh lý nghiêm trọng này chỉ được chi trả một lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.

4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM		SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYEN AN				
2	BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau	Prudential sẽ đóng Phí bảo hiểm cơ bản còn lại của Hợp đồng cho đến hết thời hạn hợp đồng của bảo hiểm bổ trợ này hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.	Khoản phí bảo hiểm cơ bản còn lại sẽ được miễn đóng phí kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm mắc phải Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau.

CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH

1. Loại trừ trường hợp tử vong

a. Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm (nếu có), loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc
b. Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
c. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
d. Tử vong do bị thi hành án tử hình.

2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:
a. Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
b. Phát sinh từ:
• Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
• Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
• Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

3. Loại trừ trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:
a. Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có Chẩn đoán Bệnh lý nghiêm trọng; hoặc
b. Hành động tự tử của Người được bảo hiểm trong vòng 2 (hai) năm kể từ ngày bảo hiểm bổ trợ này có hiệu lực hoặc được khôi phục; hoặc
c. Mưu toan tự tử hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tỉnh táo hay bị mất trí; hoặc
d. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm, của Bên mua bảo hiểm, hoặc của Người thụ hưởng; hoặc
e. Sử dụng chất ma túy, chất kích thích; chất có cồn; hoặc
f. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc
g. Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng, hoặc các hoạt động thể thao nguy hiểm.

4. Loại trừ trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối

Các dấu hiệu hay triệu chứng của Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối:
a. Phát sinh từ:
• Tự tử không thành hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
• Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích (ngoại trừ việc sử dụng các loại thuốc dựa trên đơn thuốc của bác sĩ có thẩm quyền); hoặc
b. Xảy ra trên bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS

Các số liệu trên đây được minh họa với giả định toàn bộ Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị tài khoản Hợp đồng. Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.
- Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.

Giải pháp bảo hiểm được tư vấn bởi tư vấn viên cùng với sự tham gia hỗ trợ của cấp quản lý:

Cấp quản lý	Họ và tên	Mã số	Điện thoại	Hình thức hỗ trợ
Quản lý trực tiếp	PRUDENTIAL VIỆT NAM	60234655	0999999999	☑ 1 ☑ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5
Quản lý gián tiếp	PRUDENTIAL VIỆT NAM	60484584	0999999999	☐ 1 ☐ 2 ☑ 3 ☑ 4 ☐ 5

Các hình thức hỗ trợ

1. Hội thảo tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm
2. Cùng TVV trực tiếp tư vấn, giới thiệu, bán sản phẩm bảo hiểm
3. Hỗ trợ TVV qua điện thoại
4. Hỗ trợ TVV qua email
5. Hỗ trợ TVV qua hình thức khác

Chữ ký:_____
Họ và tên: PRUDENTIAL VIỆT NAM
Mã số Tư vấn viên: 60720231
Ngày: _____/_____/_____

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.
- Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này.
- Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung, phí bảo hiểm thực đóng, các khoản thưởng duy trì hợp đồng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, nên Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này.
- Tôi hiểu Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ theo định kỳ trong vòng 5 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.
- Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm.

Chữ ký:_____
Họ và tên: Nguyen An
Ngày: _____/_____/_____

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM